TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST.
Ngày: 13/5/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 121/TLST- DS ngày 13/10/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sảntheo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:/2022/QĐXXST-DS ngày 04/4/2022 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: AnhNguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: anh Ngọ Văn T, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Trần Thị T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt

Đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*Do có mối quan hệ là họ hàng của nhau nên ngày 20/10/2019 anh T có xuống nhà anh vay tiền và anh đã đồng ý. Khi vay hai bên có lập "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 20/9/2019, số tiền là 80 triệu đồng để làm ăn; thời gian vay là 04 tháng. Mặc dù trong giấy vay tiền không T thuận về lãi suất nhưng trên thực tế hai bên T thuận lãi suất bằng miệng là theo lãi suất Ngân hàng. Sau khi vay nợ anh T đã không trả anh được tiền nợ gốc, lãi cho anh và anh đã nhiều lần đòi tiền T nhưng anh T đã không trả anh tiền.

Nay anh khởi kiện yêu cầu tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

buộc anh Ngọ Văn T phải trả cho anh số tiền nợ gốc là 80 triệu đồng và tiền lại lãi từ ngày vay là 20/10/2019 đến 20/9/2021 theo lãi suất Ngân hàng là 9%/năm là 17.250.000 đồng. Đồng thời anh T phải tiếp tục trả tiền lãi cho anh từ 21/9/2021 cho đên khi tòa án xét xử xong.Số tiền anh cho anh T vay là tiền chung của vợ chồng anh. Anh xác định khi anh T vay tiền của anh chỉ có một mình anh T vay tiền còn chị T (Vợ anh T) không xuống nhà anh vay tiền. Nay anh chỉ yêu cầu một mình anh T trả tiền cho anh.Tại phiên tòa, anh Đ tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện anh không yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả tiền lãi cho anh.

Bị đơn là anh Ngọ Văn T mặc dù đã được tòa án thông báo thụ lý và tống đạt văn bản tố tụng trực tiếp nhưng anh T không lên tòa án làm việc và không gửi văn bản, ý kiến của mình cho Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quantrình bày:

Chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị đã được đọc biên bản ghi lời khai của chồng chị là anh Nguyễn Văn Đ. Chị xác định lời trình bày của anh Đ là đúng và chị đồng ý với ý kiến của anh Đ. Số tiền cho anh T vay là tài sản chung của vợ chồng chị. Nay vợ chồng chị khởi kiện đề nghị tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang buộc anh Ngọ Văn T phải trả cho vợ chồng chị số tiền nợ gốc là 80 triệu đồng, mọi quyết định của anh Đ chị đều nhất trí.

Hiện nay do công việc bận nên chị đề nghị tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa cho phép chị được vắng mặt trong các phiên họp, phiên xét xử tại tòa án.

Chị Trần Thị T mặc dù đã được tòa án tống đạt văn bản hợp lệ và triệu tập nhiều lần nhưng không gửi văn bản, ý kiến của mình lên Tòa án cũng không đến Tòa án làm việc.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn là anh Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị L đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị T không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26; 35, 39,147; 244; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ buộc anh Ngọ Văn T phải có nghĩa trả nợ cho vợ chồng anh bà Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị L số tiền nợ là 80.000.000 đồng.

Đỉnh chỉ yêu cầu tính lãi của anh Nguyễn Văn Đ;

Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ và nội dung đơn khởi kiện và tài liệu do các bên suất trình xác định: Vụ án tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn Đ và anh Ngọ Văn T được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh Ngọ Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa là có căn cứ.

Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn là anh T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ án là có căn cứ.

[2.] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh Đ khởi kiện yêu cầu cá nhân anh T phải trả cho vợ chồng anh Đ số tiền đã vay là 80.000.000 đồng và anh Đ có xuất trình giấy vay tiền do anh T ký và viết nên cần buộc anh T phải có trách nhiệm trả tiền cho anh Đ và chị L là tiền có căn cứ. Việc anh T không thực hiện nghĩa vụ chứng minh khi tòa án đã tiến hành giao các thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để thể hiện ý kiến của mình thì anh T phải chịu thiệt hại về nghĩa vụ không chứng minh của mình là có căn cứ.

Tại phiên tòa anh Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình là không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu chị T phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng anh. HĐXX xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh Đ và việc rút yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của anh Đ nên cần chấp nhận cho anh Đ rút một phần yêu cầu là có căn cứ.

[3] Về án phí: Anh Ngọ Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26; 35, 39,147; 227; 228; 244; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ buộc anh Ngọ Văn T phải có nghĩa trả nợ cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị L số tiền nợ là 80.000.000 đồng;

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của anh Nguyễn Văn Đ;

Kể từ ngày người được thi hành ám có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Anh Ngọ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng).

Hoàn trả anh Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007591 ngày 13/10/2021 của chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền T thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Hiệp Hòa;
-Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Hương Lan